

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

SỔ TAY HỎI ĐÁP VỀ
CHÍNH SÁCH CHI TRẢ
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

Năm 2015

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

TT	Họ và tên	Đơn vị
1	ThS. Hồ Thanh Hoàng	Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum

TỔ BIÊN TẬP

TT	Họ và tên	Đơn vị
1	Đậu Xuân Hùng	Phó trưởng Phòng KH-KT Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum
2	Nguyễn Thị Lệ	Nhân viên- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum
3	Đinh Tiến Dũng	Nhân viên - Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum
4	Lê Công Tài	Nhân viên - Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum



NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT:

BV&PTR
NN&PTNT
RĐD
RPĐ
RSX
UBND
DVMTR

Bảo vệ và Phát triển rừng
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Rừng đặc dụng
Rừng phòng hộ
Rừng sản xuất
Ủy ban nhân dân
Dịch vụ môi trường rừng

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 24 tháng 9 năm 2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 99/2010/NĐ-CP về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Đây là một chính sách mới nhằm huy động nguồn lực của xã hội, đặc biệt của các tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng, tạo nguồn tài chính góp phần đầu tư ổn định, lâu dài, trực tiếp vào việc bảo vệ và phát triển rừng, thực hiện xã hội hoá nghề rừng.

Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng được triển khai thực hiện đã thúc đẩy việc tạo ra và sử dụng các dịch vụ môi trường rừng bằng cách kết nối người cung cấp dịch vụ và sử dụng dịch vụ. Chính sách này đem lại lợi ích kinh tế thiết thực cho người bảo vệ rừng, góp phần tăng cường công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng là bước đột phá trong việc giải quyết nhiều vấn đề, trong đó trọng tâm là 3 vấn đề cơ bản về môi trường, kinh tế và xã hội, góp phần giảm thiểu mất rừng, suy thoái rừng và nâng cao chất lượng rừng, làm tăng khả năng phòng hộ của rừng, đảm bảo cân bằng sinh thái giảm thiểu biến đổi khí hậu, hạn chế hạn hán, lũ lụt. Chính sách này sẽ tạo ra chuyển biến sâu sắc về nhận thức và sẽ tăng cường sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa đơn vị chủ rừng và chính quyền địa phương trong công tác bảo vệ rừng, tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ phát triển rừng bền vững cũng như trong việc phòng chống các hành vi xâm hại tài nguyên rừng, hạn chế tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác lâm sản trái phép.

Với mục đích phổ biến, tuyên truyền chính sách tới các đối tượng có liên quan đến việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, đặc biệt là những người dân sống tại những khu vực có rừng, trên cơ sở nội dung quy định của Nghị định và các văn bản hướng dẫn, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum xuất bản cuốn Sổ tay “Hỏi đáp về chính sách chi trả DVMTR”.

Các nội dung chính của cuốn sổ tay gồm:

- Phần I. Những vấn đề chung;
- Phần II. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum;
- Phần III. Bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng;
- Phần IV. Chủ rừng là tổ chức và các tổ chức không phải chủ rừng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng;
- Phần V. Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn nhận khoán bảo vệ rừng;

Hy vọng cuốn Sổ tay là một tài liệu tham khảo hữu ích cho các tổ chức, cá nhân trong việc triển khai chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Xin trân trọng giới thiệu và mong nhận được sự đóng góp của các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân để Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum tiếp tục bổ sung, hoàn thiện lần tái bản. Ý kiến đóng góp xin gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum, địa chỉ: số 196 - đường Lê Lợi - thành phố Kon Tum - tỉnh Kon Tum.

Trân trọng cảm ơn./.

Kon Tum, tháng 10 năm 2015

Giám đốc

Hồ Thanh Hoàng





MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	4
Phần I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG.....	9
Câu hỏi 1. Môi trường rừng là gì?.....	10
Câu hỏi 2. Dịch vụ môi trường rừng là gì?.....	10
Câu hỏi 3. Chi trả DVMTR là?.....	11
Câu hỏi 4. Rừng cung ứng những loại dịch vụ nào?.....	11
Câu hỏi 5. Lưu vực là gì?.....	12
Câu hỏi 6. Chủ rừng là gì?.....	12
Câu hỏi 7. Nguyên tắc chi trả DVMTR như thế nào?.....	13
Câu hỏi 8. Hình thức chi trả gián tiếp là gì? Hiện nay tỉnh Kon Tum đang thực hiện chi trả DVMTR theo hình thức nào?.....	14
Câu hỏi 9. Ai phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng?.....	15
Câu hỏi 10. Ai được nhận tiền chi trả DVMTR?.....	16
Câu hỏi 11. Trường hợp khu rừng bị thiệt hại do thiên tai gây ra như bị cháy, bị bão làm gãy đổ, bị nước lũ cuốn trôi thì xử lý việc chi trả DVMTR như thế nào?.....	17
Câu hỏi 12. Cơ quan nào có thẩm quyền quyết định miễn, giảm tiền chi trả DVMTR?.....	17
Câu hỏi 13. Việc xác định tiền chi trả DVMTR của bên sử dụng dịch vụ thực hiện như thế nào?.....	18
Câu hỏi 14. Việc xác định tiền chi trả DVMTR cho một khu rừng thực hiện theo nguyên tắc nào?.....	19
Câu hỏi 15. Cơ quan nào xác định số tiền chi trả bình quân 01 ha rừng hàng năm?.....	19
Câu hỏi 16. Áp dụng hệ số K như thế nào?.....	20
Câu hỏi 17. Điều kiện nào chủ rừng được nhận tiền DVMTR?.....	21
Câu hỏi 18. Cơ quan nào có thẩm quyền quy định áp dụng hệ số K?.....	21
Câu hỏi 19. Cơ quan nào chịu trách nhiệm nghiệm thu diện tích rừng cung ứng DVMTR hàng năm của các chủ rừng?.....	22
Câu hỏi 20. Tiền DVMTR có phải là tiền phí hay tiền thuế không?.....	23

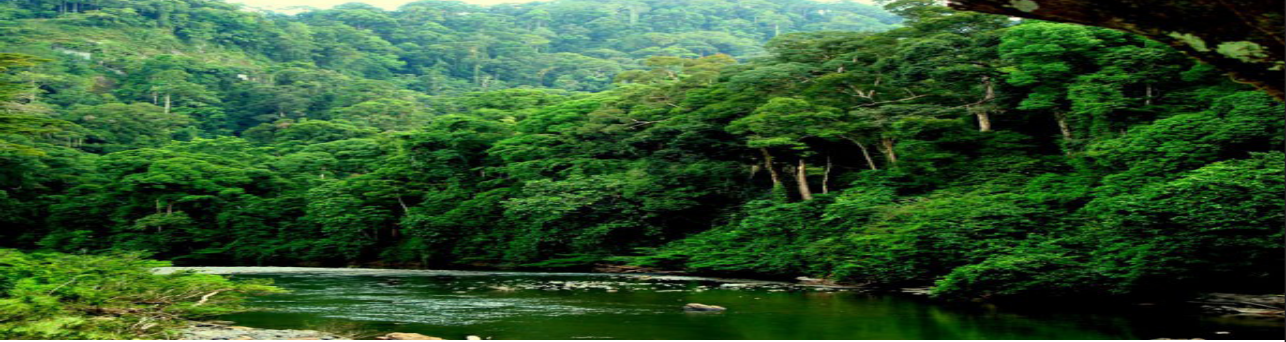
Câu hỏi 21. Quỹ BV&PTR Việt Nam căn cứ vào đâu để điều phối tiền chi trả DVMTR của các đơn vị sử dụng DVMTR có lưu vực 02 tỉnh, thành phố trở lên?.....	24
Phần II. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum	26
Câu hỏi 22. Quỹ BV&PTR tỉnh Kon Tum có chức năng, nhiệm vụ, và quyền hạn gì?.....	27
Câu hỏi 23. Quỹ BV&PTR tỉnh Kon Tum tạm ứng, thanh toán tiền chi trả DVMTR cho các chủ rừng như thế nào?.....	28
Câu hỏi 24. Quỹ BV&PTR tỉnh Kon Tum có hỗ trợ kinh phí cho cơ quan nghiệm thu cấp tỉnh và tổ chức chi trả cấp huyện (Hạt Kiểm Lâm các huyện thành phố) không?... ..	29
Câu hỏi 25. Trích lập kinh phí dự phòng tại Quỹ BV&PTR tỉnh Kon Tum để làm gì?.....	29
Câu hỏi 26. Nhiệm vụ của Quỹ BV&PTR tỉnh Kon Tum trong việc thực hiện ủy thác chi trả DVMTR là gì?.....	30
Câu hỏi 27. Phương pháp xác định tiền chi trả DVMTR cho các chủ rừng?.....	31
Phần III. Bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng	33
Câu hỏi 28. Bên sử dụng DVMTR nộp tiền chi trả DVMTR như thế nào?.....	34
Câu hỏi 29. Bên sử dụng DVMTR có những quyền hạn gì?.....	35
Câu hỏi 30. Bên sử dụng DVMTR phải thực hiện nghĩa vụ gì?.....	35
Câu hỏi 31. Trong trường hợp gặp rủi ro bất khả kháng thì	36
Câu hỏi 32. Bên sử dụng DVMTR được miễn, giảm tiền chi trả DVMTR trong những trường hợp nào ?	36
Phần IV. Chủ rừng là tổ chức, các tổ chức không phải là chủ rừng được nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng?	37
Câu hỏi 33. Chủ rừng là tổ chức gồm những loại hình nào?.....	38
Câu hỏi 34. Chủ rừng là tổ chức được nhận tiền chi trả DVMTR khi đáp ứng được điều kiện nào?.....	38
Câu hỏi 35. Các chủ rừng là tổ chức khi tham gia cung ứng DVMTR có những quyền gì?.....	39
Câu hỏi 36. Nghĩa vụ của chủ rừng là tổ chức tham gia cung ứng DVMTR là gì?.....	39
Câu hỏi 37. Các tổ chức không phải là chủ rừng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng gồm những đối tượng nào?.....	40
Câu hỏi 38. Điều kiện nào để các tổ chức không phải là chủ rừng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng được nhận tiền chi trả DVMTR?.....	40
Câu hỏi 39. Trình tự nghiệm thu diện tích rừng cung ứng DVMTR đối với chủ rừng là tổ chức Nhà nước và các tổ chức không phải là chủ rừng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng như thế nào?.....	41
Câu hỏi 40. Trình tự nghiệm thu diện tích rừng cung ứng DVMTR đối với tổ chức không thuộc Nhà nước thực hiện như thế nào?.....	42
Câu hỏi 41. Các tổ chức không phải là chủ rừng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng lập kế hoạch chi trả DVMTR như thế nào?.....	42

Câu hỏi 42. Chủ rừng là tổ chức được sử dụng tiền chi trả DVMTR như thế nào?....	43
Câu hỏi 43. Trình tự lập Kế hoạch chi trả DVMTR đối với chủ rừng là tổ chức được quy định như thế nào?.....	44
Phần V. Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn nhận khoán bảo vệ rừng.....	45
Câu hỏi 44. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn khi nào thì được gọi là chủ rừng?.....	46
Câu hỏi 45. Thế nào gọi là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn nhận khoán bảo vệ rừng?.....	46
Câu hỏi 46. Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn có những quyền hạn gì trong việc thực hiện chính sách chi trả DVMTR?.....	47
Câu hỏi 47. Nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được Nhà nước giao đất giao rừng và nhận khoán bảo vệ rừng trong việc thực hiện chính sách chi trả DVMTR như thế nào?.....	48
Câu hỏi 48. Điều kiện để chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được nhận tiền chi trả DVMTR như thế nào?.....	48
Câu hỏi 49. Trình tự nghiệm thu diện tích rừng cung ứng DVMTR đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được thực hiện như thế nào?.....	49
Câu hỏi 50. Điều kiện nào để hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn nhận khoán bảo vệ rừng được nhận tiền chi trả DVMTR như thế nào?.....	50
Câu hỏi 51. Tổ chức chi trả cấp huyện được quy định như thế nào? Hiện nay, tỉnh Kon Tum cơ quan nào được giao làm tổ chức chi trả cấp huyện?.....	50
Câu hỏi 52. Cơ quan nào xác định tiền DVMTR trả cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn nhận khoán bảo vệ rừng? Phương pháp thực hiện?.....	53
Câu hỏi 53. Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn nhận tiền chi trả DVMTR ở đâu?.....	52
Câu hỏi 54. Tiền chi trả DVMTR của hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được nhà nước giao đất, giao rừng và nhận khoán bảo vệ rừng được sử dụng để làm gì?.....	52



PHẦN I NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG





01

MÔI TRƯỜNG RỪNG LÀ GÌ?

Trả lời:

Theo Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 về chính sách chi trả DVMTR thì môi trường rừng bao gồm các hợp phần của hệ sinh thái rừng: thực vật, động vật, vi sinh vật, nước, đất, không khí, cảnh quan thiên nhiên. Môi trường rừng có các giá trị sử dụng đối với nhu cầu của xã hội và con người, gọi là giá trị sử dụng của môi trường rừng, gồm: bảo vệ đất, điều tiết nguồn nước, phòng hộ đầu nguồn, phòng hộ ven biển, phòng chống thiên tai, đa dạng sinh học, hấp thụ và lưu giữ các bon, du lịch, nơi cư trú và sinh sản của các loài sinh vật, gỗ và lâm sản khác.

02

DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG LÀ GÌ?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP, dịch vụ môi trường rừng là công việc cung ứng các giá trị sử dụng của môi trường rừng để đáp ứng các nhu cầu của xã hội và đời sống của nhân dân.



03

CHI TRẢ DVMTR LÀ GÌ?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP thì chi trả DVMTR là quan hệ cung ứng và chi trả giữa bên sử dụng DVMTR trả tiền cho bên cung ứng DVMTR.

04

RỪNG CUNG ỨNG NHỮNG LOẠI DỊCH VỤ NÀO?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP, rừng cung ứng những loại dịch vụ sau:

1. Bảo vệ đất, hạn chế xói mòn và bồi lắng lòng hồ, lòng sông, lòng suối;
2. Điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất và đời sống xã hội;
3. Hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng, giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính bằng các biện pháp ngăn chặn suy thoái rừng, giảm diện tích rừng và phát triển rừng bền vững;
4. Bảo vệ cảnh quan tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng phục vụ cho dịch vụ du lịch;
5. Dịch vụ cung ứng bãi đẻ, nguồn thức ăn và con giống tự nhiên, sử dụng nguồn nước từ rừng cho nuôi trồng thủy sản.



05

LƯU VỰC LÀ GÌ?

Trả lời:

Theo quy định tại Thông tư số 60/2012/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2012 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT: Lưu vực là một vùng diện tích tự nhiên được giới hạn bởi đường phân thủy đón nhận nước rơi và hội tụ về một dòng sông, suối, đầm, hồ, được xác định bởi đường ranh giới khép kín theo đường phân thủy từ điểm đầu ra của lưu vực; trong mỗi lưu vực có thể bao gồm nhiều lưu vực nhỏ hơn gọi là tiểu lưu vực.

Điểm đầu ra của lưu vực là điểm thoát nước mặt chủ yếu của lưu vực như: điểm xả nước chính của đập thủy điện, điểm thu nước của nhà máy cấp nước sạch hoặc cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước lưu vực.

06

CHỦ RỪNG LÀ GÌ?

Trả lời:

Tại quy định tại Khoản 4 Điều 3 của Luật BV&PTR năm 2004 đã xác định chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng, giao đất để trồng rừng, cho thuê đất để trồng rừng, công nhận quyền sử dụng rừng, công nhận quyền sở hữu RSX là rừng trồng; nhận chuyển nhượng rừng từ chủ rừng khác.



07

NGUYÊN TẮC CHI TRẢ DVMTR NHƯ THẾ NÀO?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP thì chi trả DVMTR theo các nguyên tắc sau:

1. Tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ DVMTR phải chi trả tiền DVMTR cho các chủ rừng của các khu rừng tạo ra dịch vụ đã cung ứng.
2. Thực hiện chi trả DVMTR bằng tiền thông qua hình thức chi trả trực tiếp hoặc chi trả gián tiếp.
3. Tiền chi trả DVMTR thông qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng là tiền của bên sử dụng DVMTR ủy thác cho Quỹ để trả cho các chủ rừng cung ứng DVMTR.
4. Tiền chi trả DVMTR là một yếu tố trong giá thành sản phẩm có sử dụng DVMTR và không thay thế thuế tài nguyên hoặc các khoản phải nộp khác theo quy định của pháp luật.
5. Đảm bảo công khai, dân chủ, khách quan, công bằng; phù hợp với hệ thống luật pháp của Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.



08

HÌNH THỨC CHI TRẢ GIÁN TIẾP LÀ GÌ? HIỆN NAY TỈNH KON TUM ĐANG THỰC HIỆN CHI TRẢ DVMTR THEO HÌNH THỨC NÀO?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP thì:

1. Chi trả gián tiếp là bên sử dụng DVMTR trả tiền cho bên cung ứng DVMTR ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam hoặc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh;

Chi trả gián tiếp được áp dụng trong trường hợp bên sử dụng DVMTR không có khả năng và điều kiện trả tiền trực tiếp cho bên cung ứng DVMTR mà thông qua tổ chức trung gian.

Chi trả gián tiếp có sự can thiệp và hỗ trợ của Nhà nước, giá DVM-TR do Nhà nước quy định.

2. Hiện nay, tỉnh Kon Tum đang thực hiện chính sách chi trả DVM-TR bằng hình thức chi trả gián tiếp.



09

AI PHẢI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG?

Trả lời:

Theo quy định Điều 7 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP, các tổ chức, cá nhân có sử dụng và hưởng lợi từ DVMTR phải chi trả tiền DVMTR, gồm các đối tượng sau:

1. Các cơ sở sản xuất thủy điện phải chi trả tiền dịch vụ về bảo vệ đất, hạn chế xói mòn và bồi lắng lòng hồ, lòng suối; về điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất thủy điện.
2. Các cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch phải chi trả tiền dịch vụ về điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất nước sạch.
3. Các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước phải chi trả tiền dịch vụ về điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất.
4. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ DVM-TR phải chi trả tiền dịch vụ về bảo vệ cảnh quan tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng phục vụ cho dịch vụ du lịch.
5. Các đối tượng phải trả tiền DVMTR cho dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng; dịch vụ cung ứng bãi đỗ, nguồn thức ăn và con giống tự nhiên, sử dụng nguồn nước từ rừng cho nuôi trồng thủy sản.



10

AI ĐƯỢC NHẬN TIỀN CHI TRẢ DVMTR?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP, thì các đối tượng được nhận tiền chi trả DVMTR, gồm:

1. Các đối tượng được chi trả tiền DVMTR là các chủ rừng của các khu rừng có cung ứng DVMTR, gồm:

a) Các chủ rừng là tổ chức được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp và các chủ rừng là tổ chức tự đầu tư trồng rừng trên diện tích đất lâm nghiệp được giao.

b) Các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng; cộng đồng dân cư thôn được Nhà nước giao rừng để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn tự đầu tư trồng rừng trên diện tích đất lâm nghiệp được Nhà nước giao.

2. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn có hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài với các chủ rừng là tổ chức nhà nước.



11

TRƯỜNG HỢP KHU RỪNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI GÂY RA, NHƯ BỊ CHÁY, BỊ BÃO LÀM GỖY ĐỔ, BỊ NƯỚC LŨ CUỐN TRÔI THÌ XỬ LÝ VIỆC CHI TRẢ DVMTR NHƯ THẾ NÀO?

Trả lời:

1. Nếu khu rừng cung ứng DVMTR nhưng bị thiệt hại do thiên tai (bị cháy, bão tàn phá, nước lũ cuốn trôi) làm cho rừng không còn khả năng cung ứng DVMTR thì diện tích bị thiệt hại không được tiếp tục chi trả tiền DVMTR.
2. Chỉ những diện tích rừng được cơ quan nghiệm thu xác định đủ điều kiện cung ứng DVMTR mới được chi trả.

12

CƠ QUAN NÀO CÓ THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MIỄN, GIẢM TIỀN CHI TRẢ DVMTR?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT:

1. UBND cấp tỉnh quyết định miễn, giảm đối với tổ chức, cá nhân sử dụng DVMTR nằm trong phạm vi hành chính tỉnh.
2. Bộ NN&PTNT quyết định miễn, giảm đối với tổ chức, cá nhân sử dụng DVMTR nằm trong phạm vi hành chính từ hai tỉnh trở lên.



13 VIỆC TRẢ TIỀN DVMTR CHO CÁC CHỦ RỪNG THEO THÁNG, QUÝ HAY THEO NĂM ?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 3, Điều 15 Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT- BTC, chủ rừng nhận tiền chi trả DVMTR như sau:

1. Trường hợp chi trả trực tiếp, chủ rừng nhận tiền chi trả theo hợp đồng thỏa thuận.
2. Trường hợp chi trả gián tiếp, chủ rừng nhận tiền chi trả theo kế hoạch hàng năm của Quỹ BV&PTR tỉnh được UBND cấp tỉnh phê duyệt, được chia thành tạm ứng trong năm và thanh toán sau khi rừng được nghiệm thu.
 - Tạm ứng: mức tạm ứng, số lần tiền tạm ứng do UBND cấp tỉnh quy định. Căn cứ kế hoạch chi trả DVMTR được UBND cấp tỉnh phê duyệt, Quỹ BV&PTR cấp tỉnh chuyển tạm ứng cho các chủ rừng.
 - Thanh toán: căn cứ thông báo kết quả nghiệm thu của cơ quan nghiệm thu, Quỹ BV&PTR cấp tỉnh thanh toán tiền chi trả DVMTR cho các chủ rừng. Thời hạn thanh toán được thực hiện đến hết ngày 30/4 của năm sau.



14

VIỆC XÁC ĐỊNH TIỀN CHI TRẢ DVMTR CHO MỘT KHU RỪNG THỰC HIỆN THEO NGUYÊN TẮC NÀO?

Trả lời:

Theo quy định tại Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT, xác định tiền chi trả DVMTR cho một khu rừng theo các nguyên tắc sau:

1. Khu rừng cung ứng DVMTR cho một hay nhiều đối tượng sử dụng DVMTR thì được hưởng tất cả các khoản chi trả của các dịch vụ đó;
2. Số tiền thực thu về chi trả DVMTR trong năm;
3. Diện tích của khu rừng được nghiệm thu.

15

CƠ QUAN NÀO XÁC ĐỊNH SỐ TIỀN CHI TRẢ BÌNH QUÂN 01 HA RỪNG HÀNG NĂM?

Trả lời:

Theo quy định tại Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT, việc xác định số tiền chi trả bình quân 01 ha rừng được quy định như sau:

1. Giám đốc Quỹ BV&PTR Việt Nam xác định số tiền chi trả DVMTR điều phối cho các Quỹ BV&PTR cấp tỉnh.
2. Giám đốc Quỹ BV&PTR cấp tỉnh xác định số tiền chi trả của từng đối tượng sử dụng DVMTR để chi trả cho chủ rừng.
3. Chủ rừng là tổ chức nhà nước có thực hiện việc khoán bảo vệ rừng cho các cộng đồng dân cư, các hộ gia đình, cá nhân chịu trách nhiệm xác định tiền chi trả cho hộ nhận khoán.



16

ÁP DỤNG HỆ SỐ K NHƯ THẾ NÀO ?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT, hệ số K được xác định như sau:

1. Hệ số K được xác định cho từng lô trạng thái rừng, làm cơ sở để tính toán mức tiền chi trả DVMTR cho các chủ rừng. Hệ số K của từng lô trạng thái rừng là tích hợp từ các hệ số K thành phần.

2. Các hệ số K thành phần, gồm: K1, K2, K3, K4:

- Hệ số K1 điều chỉnh mức chi trả DVMTR theo trạng thái và trữ lượng rừng, có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng giàu; 0,95 đối với rừng trung bình và 0,90 đối với rừng nghèo và rừng phục hồi.

- Hệ số K2 điều chỉnh mức chi trả DVMTR theo mục đích sử dụng rừng, có giá trị bằng: 1,00 đối với RĐĐ; 0,95 đối với RPH và 0,90 đối với RSX.

- Hệ số K3 điều chỉnh mức chi trả DVMTR theo nguồn gốc hình thành rừng, có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng tự nhiên; 0,9 đối với rừng trồng.

- Hệ số K4 điều chỉnh mức chi trả DVMTR theo mức độ khó khăn đối với việc bảo vệ rừng, có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng rất khó khăn trong bảo vệ; 0,95 đối với rừng khó khăn trong bảo vệ và 0,90 đối với rừng ít khó khăn trong bảo vệ.

17

ĐIỀU KIỆN NÀO CHỦ RỪNG ĐƯỢC NHẬN TIỀN DVMTR?

Trả lời:

Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC, chủ rừng được nhận tiền DVMTR:

1. Trường hợp chi trả trực tiếp: Chủ rừng được nhận tiền DVMTR theo thời hạn trong hợp đồng thỏa thuận đã ký giữa các bên;
2. Trường hợp chi trả gián tiếp: Chủ rừng được nhận tiền DVMTR theo kỳ hạn trong kế hoạch hàng năm của Quỹ BV&PTR cấp tỉnh được UBND cấp tỉnh phê duyệt và kết quả nghiệm thu diện tích rừng của cơ quan nghiệm thu.

18

CƠ QUAN NÀO CÓ THẨM QUYỀN QUY ĐỊNH ÁP DỤNG HỆ SỐ K?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT, hệ số K áp dụng như sau:

1. UBND cấp tỉnh quy định cụ thể các hệ số K thành phần áp dụng trên địa bàn tỉnh.
2. Sở NN&PTNT chủ trì chỉ đạo các cơ quan có liên quan, tiến hành xác định hệ số K của các lô rừng đối với chủ rừng là tổ chức.
3. UBND cấp huyện chỉ đạo các cơ quan có liên quan, tiến hành xác định hệ số K của các lô rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.
4. Chủ rừng là tổ chức nhà nước thống nhất việc áp dụng hệ số K với hộ nhận khoán bảo vệ rừng và được thể hiện trong hợp đồng khoán.
5. Hệ số K cho một lô rừng cụ thể được xác định lại khi có sự thay đổi về các hệ số K thành phần, do chủ rừng đề nghị hoặc thông qua kết quả nghiệm thu rừng hàng năm, được cơ quan có thẩm quyền xác định.



19

CƠ QUAN NÀO CHỊU TRÁCH NHIỆM NGHIỆM THU DIỆN TÍCH RỪNG CUNG ỨNG DVMTR HÀNG NĂM CỦA CÁC CHỦ RỪNG?

Trả lời:

Tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 20/2012/TT-BNNPTNT ngày 07/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quy định:

1. Đối với chủ rừng là tổ chức và các tổ chức không phải là chủ rừng nhưng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng (UBND xã, phường, thị trấn các cơ quan, các tổ chức chính trị, xã hội): Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm đầu mối tổ chức việc nghiệm thu, đánh giá số lượng và chất lượng rừng và xác nhận cho các chủ rừng.
2. Đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn là Hạt Kiểm lâm cấp huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ thực hiện nghiệm thu theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với trường hợp Hạt Kiểm lâm chịu trách nhiệm quản lý trên địa bàn nhiều huyện).



20

TIỀN DVMTR CÓ PHẢI LÀ TIỀN PHÍ HAY TIỀN THUẾ KHÔNG?

Trả lời:

Tiền DVMTR là khoản tiền trả cho người cung ứng dịch vụ, không phải là tiền phí hay tiền thuế:

1. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP, tiền chi trả DVMTR là một yếu tố trong giá thành sản phẩm có sử dụng DVMTR và không thay thế thuế tài nguyên hoặc các khoản phải nộp khác theo quy định của pháp luật.
2. Điều 10 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP quy định: bên cung ứng DVM-TR có quyền quyết định việc sử dụng số tiền thu được từ DVMTR sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp bên cung ứng DVMTR là tổ chức Nhà nước, tiền thu được từ DVMTR, sau khi trừ đi các chi phí hợp lý liên quan đến việc tổ chức thực hiện chính sách chi trả DVMTR tại đơn vị, bao gồm cả tiền trả cho hộ nhận khoán bảo vệ rừng, phần còn lại được hoạch toán như một nguồn thu của đơn vị và được chi theo quy định của Pháp luật về tài chính áp dụng cho tổ chức đó.





21

QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG VIỆT NAM CĂN CỨ VÀO ĐÂU ĐỂ ĐIỀU PHỐI TIỀN CHI TRẢ DVMTR CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỬ DỤNG DVMTR CÓ LƯU VỰC TỪ 02 TỈNH, THÀNH PHỐ TRỞ LÊN?

Trả lời:

Tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP, quy định:

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (BV & PTR) Việt Nam điều phối tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo các căn cứ sau đây:

- a. Số tiền thu được từ bên sử dụng DVMTR;
- b. Diện tích rừng của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tham gia cung ứng DVMTR, được Bộ NN & PTNT phê duyệt (được quy định tại Thông tư số 60/2012/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2012 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT).

PHẦN II

QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH KON TUM

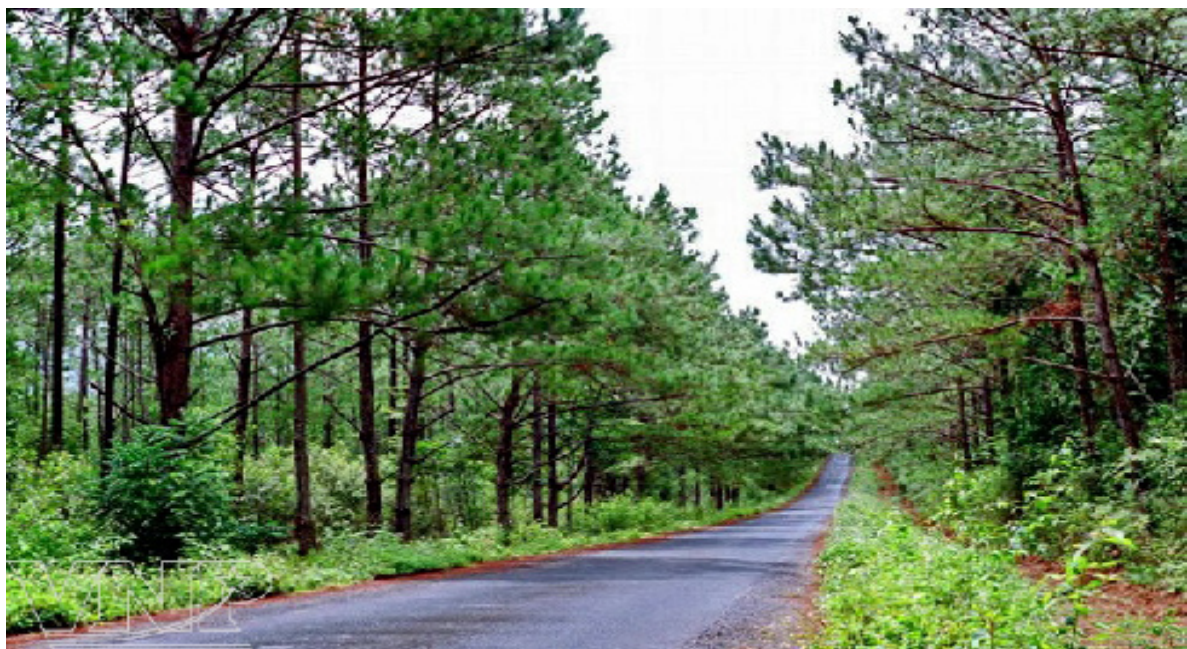


Trả lời:

1. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (BV & PTR) tỉnh Kon Tum là một tổ chức tài chính nhà nước, trực thuộc UBND tỉnh Kon Tum, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận và tự bảo đảm chi phí hoạt động; Quỹ được thành lập theo Quyết định số 427/QĐ-CT ngày 13 tháng 10 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum. Tên giao dịch quốc tế của Quỹ: Kon Tum Provinces Forest Protection and Development Fund (KonTum FPDF).

2. Chức năng của Quỹ BV & PTR tỉnh Kon Tum:

- a. Tiếp nhận vốn ngân sách tỉnh, vốn tài trợ, viện trợ; huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP và Nghị định số 99/2010/NĐ-CP để tạo nguồn vốn.
- b. Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn uỷ thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng uỷ thác.
- c. Tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP.
- d. Thực hiện hỗ trợ vốn cho các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP.





3. Nhiệm vụ của Quỹ BV & PTR tỉnh Kon Tum:

a. Vận động tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc; nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước; nguồn tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;

b. Tổ chức thẩm định, xét chọn chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định hỗ trợ đầu tư;

c. Hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án;

d. Chỉ đạo, hướng dẫn các đối tượng được hưởng nguồn tài chính do Quỹ hỗ trợ;

đ. Thực hiện các quy định của pháp luật về thống kê, kế toán và kiểm toán;

e. Thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao hoặc quy định.

2. Quyền hạn của Quỹ BV & PTR tỉnh Kon Tum:

a. Phân bổ kinh phí cho từng chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án theo kế hoạch hàng năm được phê duyệt;

b. Kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được Quỹ hỗ trợ;

c. Đình chỉ, thu hồi kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư vi phạm cam kết về sử dụng kinh phí hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật liên quan;

d. Kiến nghị với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về đối tượng, hoạt động được hỗ trợ từ Quỹ.

QUỸ BV&PTR TỈNH KON TUM TẠM ỨNG, THANH TOÁN TIỀN CHI TRẢ DVMTR CHO CÁC CHỦ RỪNG NHƯ THẾ NÀO?

Trả lời:

Quỹ BV & PTR tỉnh Kon Tum thực hiện việc tạm ứng, thanh toán tiền chi trả DVMTR theo quy định tại Điều 15 Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC như sau:

1. Tạm ứng tiền chi trả DVMTR: mức tạm ứng, số lần tiền tạm ứng do UBND tỉnh quy định. Căn cứ kế hoạch chi trả DVMTR được UBND tỉnh phê duyệt, Quỹ BV & PTR tỉnh Kon Tum chuyển tạm ứng tiền chi trả cho các đối tượng sau:

- a. Chủ rừng là tổ chức, tổ chức không phải là chủ rừng được nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng đã có tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng;
- b. Đối với các chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn không mở tài khoản tại Ngân hàng thì tiền tạm ứng được chuyển ủy thác qua Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố (Ban chi trả cấp huyện).

2. Thanh toán tiền chi trả DVMTR:

- a. Căn cứ thông báo kết quả nghiệm thu của cơ quan nghiệm thu, Quỹ BV & PTR tỉnh Kon Tum thanh toán tiền chi trả DVMTR cho các chủ rừng như tại mục 1 nêu trên.
- b. Thời hạn thanh toán: Thời hạn thanh toán tiền chi trả DVMTR được thực hiện đến hết ngày 30/4 của năm sau.





24

QUỸ BV & PTR TỈNH KON TUM CÓ HỖ TRỢ KINH PHÍ CHO CƠ QUAN NGHIỆM THU CẤP TỈNH VÀ TỔ CHỨC CHI TRẢ CẤP HUYỆN (HẠT KIỂM LÂM CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ) KHÔNG?

Trả lời:

Quỹ BV & PTR tỉnh Kon Tum đã thực hiện hỗ trợ kinh phí cho cơ quan nghiệm thu cấp tỉnh (Sở NN & PTNT) và Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố (Ban chi trả cấp huyện) theo quy định tại Thông tư số 20/2012/TT-BNNPTNT và Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC để thực hiện công tác kiểm tra, nghiệm thu và chi trả tiền DVMTR cho các chủ rừng từ nguồn chi phí quản lý của Quỹ BV & PTR tỉnh Kon Tum.

25

TRÍCH LẬP KINH PHÍ DỰ PHÒNG TẠI QUỸ BV&PTR TỈNH KON TUM ĐỂ LÀM GÌ?

Trả lời:

Tại Điều 15 Nghị định số 99/2010/NĐ- CP, Thông tư số 85/2012/TT-BTC, Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT, quy định:

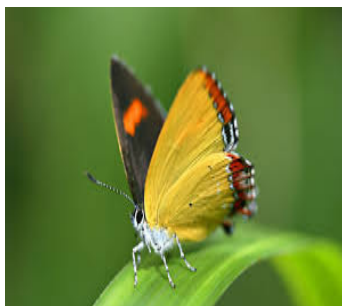
1. Quỹ BV&PTR cấp tỉnh lập khoản dự phòng tối đa 5% so với tổng số tiền uỷ thác chuyển về Quỹ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của năm báo cáo để hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được giao, khoán bảo vệ rừng lâu dài trong những trường hợp có thiên tai, khô hạn. Mức tồn dự phòng tối đa bằng 5% số tiền uỷ thác DVMTR và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của năm báo cáo. Mức trích lập hàng năm do UBND cấp tỉnh quy định.

2. Trong trường hợp có thiên tai, khô hạn, số tiền chi trả bình quân cho 1 ha rừng thấp hơn số chi trả của năm trước, Giám đốc Quỹ cấp tỉnh căn cứ vào khả năng nguồn dự phòng lập phương án hỗ trợ trình UBND cấp tỉnh phê duyệt.

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn, nhiệm vụ của Quỹ BV&PTR cấp tỉnh trong việc thực hiện uỷ thác chi trả DVMTR gồm:

1. Phối hợp với bên sử dụng DVMTR xác định số tiền phải chi trả của từng đối tượng sử dụng dịch vụ theo kỳ thanh toán trên địa bàn.
2. Đại diện cho bên cung ứng DVMTR ký hợp đồng với bên sử dụng DVMTR phải trả tiền uỷ thác.
3. Tiếp nhận tiền uỷ thác của bên sử dụng DVMTR do Quỹ BV & PTR Việt Nam chuyển đến và tiền chi trả từ bên sử dụng DVMTR chuyển trực tiếp đến Quỹ BV & PTR cấp tỉnh.
4. Thực hiện việc chi trả tiền DVMTR cho các chủ rừng trên cơ sở số lượng và chất lượng rừng của các chủ rừng.
5. Làm đầu mối giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức kiểm tra các chủ rừng trong việc cung ứng DVMTR, việc thanh toán tiền cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng, kiểm tra việc nộp tiền chi trả của bên sử dụng DVMTR.
6. Báo cáo UBND tỉnh và Quỹ BV & PTR Việt Nam về tình hình thu chi tiền DVMTR của địa phương hàng năm.



Trả lời:

Việc xác định tiền chi trả DVMTR cho các chủ rừng thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT, gồm các bước sau:

Bước 1: xác định số tiền chi trả bình quân trên 01 ha rừng từ dịch vụ của một đối tượng sử dụng DVMTR:

Bước 2: xác định số tiền chi trả cho chủ rừng từ dịch vụ của một đối tượng sử dụng DVMTR theo công thức:

Số tiền chi trả bình quân = cho 01 ha rừng	Số tiền thực thu của 01 - đơn vị sử dụng DVMTR trong năm	Chi phí quản lý của Quỹ - BV & PTR tính	Kinh phí : dự phòng	Diện tích rừng đã được nghiem thu, quy đổi
--	--	---	------------------------------	---

$$\begin{array}{ccccc} \text{Số tiền chi} & & & & \\ \text{trả cho} & = & \text{Số tiền chi} & & \\ \text{chủ rừng} & & \text{trả bình} & \times & \text{Diện tích rừng đã} \\ & & \text{quân cho} & & \text{quy đổi} \\ & & \text{01 ha (1)} & & \end{array}$$

Bước 3: xác định tổng số tiền DVMTR chi trả cho từng chủ rừng:

Chủ rừng có diện tích rừng cung cấp DVMTR cho một hay nhiều đối tượng sử dụng DVMTR thì được hưởng tất cả các khoản chi trả của các dịch vụ đó. Tổng số tiền chi trả được tính bằng công thức

$$A_2 = \sum_{j=1}^n B_2^j$$

Trong đó:

- A_2 : tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng chi trả cho chủ rừng;
- B_2^j : tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng thứ j cho chủ rừng ($j = 1, 2, \dots, n$).



PHẦN III
**BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ MÔI
TRƯỜNG RỪNG**





28

BÊN SỬ DỤNG DVMTR NỘP TIỀN CHI TRẢ DVMTR NHƯ THẾ NÀO?

Trả lời:

Tại Khoản 2, 3 Điều 13 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP của Chính phủ, quy định:

1. Trường hợp bên sử dụng DVMTR, sử dụng dịch vụ này từ những khu rừng nằm trong phạm vi hành chính của một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì tiền ủy thác chi trả DVMTR được chuyển về Quỹ BV & PTR của tỉnh đó hoặc cơ quan, tổ chức làm thay nhiệm vụ của Quỹ BV & PTR cấp tỉnh do UBND cấp tỉnh quyết định.
2. Trường hợp bên sử dụng DVMTR, sử dụng DVMTR từ những khu rừng nằm trong phạm vi hành chính từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên thì tiền ủy thác chi trả DVMTR được chuyển về Quỹ BV & PTR Việt Nam.

29 BÊN SỬ DỤNG DVMTR CÓ NHỮNG QUYỀN HẠN GÌ?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP, bên sử dụng DVMTR có các quyền như sau:

1. Được cơ quan Nhà nước về lâm nghiệp có thẩm quyền thông báo tình hình bảo vệ và phát triển rừng trong phạm vi các khu rừng có cung ứng DVMTR, về số lượng, chất lượng rừng đang cung ứng DVMTR;
2. Được Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thông báo kết quả chi trả tiền DVMTR đến các chủ rừng;
3. Được tham gia vào việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan Nhà nước trong công tác bảo vệ và phát triển rừng trên phạm vi các khu rừng có cung ứng DVMTR.
4. Được đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét việc điều chỉnh tiền chi trả tiền DVMTR trong trường hợp bên cung ứng DVMTR không đảm bảo đúng diện tích rừng hoặc làm suy giảm chất lượng rừng mà bên sử dụng dịch vụ đã chi trả số tiền tương ứng.

30 BÊN SỬ DỤNG DVMTR PHẢI THỰC HIỆN NHỮNG NGHĨA VỤ GÌ?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP và được cụ thể hoá tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC, bên sử dụng DVMTR có các nghĩa vụ như sau:

1. Hàng quý, chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu của quý kế tiếp, bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng lập và gửi cho Quỹ BV & PTR bản kê khai nộp tiền chi trả theo mẫu biểu số 3 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC.
2. Chuyển tiền trả từng quý theo hợp đồng ủy thác, nếu chậm, phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán.

31 TRONG TRƯỜNG HỢP GẶP RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG THÌ BÊN SỬ DỤNG DVMTR LẬP HỒ SƠ GỒM NHỮNG GÌ? GỬI CHO AI?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT, khi xảy ra rủi ro bất khả kháng, bên sử dụng DVMTR lập 01 bộ hồ sơ xin miễn, giảm tiền chi trả DVMTR, gửi đến Sở NN & PTNT (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng DVMTR nằm trong phạm vi hành chính một tỉnh) hoặc Tổng cục Lâm nghiệp (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng DVMTR nằm trong phạm vi hành chính từ hai tỉnh trở lên).

Hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT.

32 BÊN SỬ DỤNG DVMTR ĐƯỢC MIỄN, GIẢM TIỀN CHI TRẢ DVMTR TRONG NHỮNG TRƯỜNG HỢP NÀO?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT, điều kiện được miễn, giảm tiền chi trả DVMTR gồm:

1. Bên sử dụng DVMTR bị thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, động đất, bão lụt, lũ quét, lở đất, sóng thần, lở đất xảy ra làm thiệt hại trực tiếp đến vốn, tài sản của mình dẫn tới mất khả năng hoặc phải ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh; và không thuộc đối tượng bắt buộc phải mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.
2. Bên sử dụng DVMTR là cá nhân bị mất năng lực hành vi dân sự, chết hoặc bị tuyên bố là chết, mất tích không còn tài sản để trả hoặc không có người thừa kế hoặc người thừa kế thực sự không có khả năng trả nợ thay cho cá nhân đó.
3. Bên sử dụng DVMTR là pháp nhân, tổ chức kinh tế đã có quyết định giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật, không còn vốn, tài sản để chi trả nợ cho bên cung ứng DVMTR.



PHẦN IV
CHỦ RỪNG LÀ TỔ CHỨC, CÁC TỔ
CHỨC KHÔNG PHẢI LÀ CHỦ RỪNG
ĐƯỢC NHÀ NƯỚC GIAO TRÁCH
NHIỆM QUẢN LÝ RỪNG





33

CHỦ RỪNG LÀ TỔ CHỨC GỒM NHỮNG LOẠI HÌNH NÀO?

Trả lời:

Tại Điều 2 Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC, quy định:

1. Chủ rừng là tổ chức nhà nước gồm các đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang và doanh nghiệp nhà nước.
2. Chủ rừng là tổ chức không thuộc nhà nước gồm các đơn vị, doanh nghiệp không thuộc quy định tại khoản 1 nêu trên.

34

CHỦ RỪNG LÀ TỔ CHỨC ĐƯỢC NHẬN TIỀN CHI TRẢ DVMTR KHI ĐÁP ỨNG ĐƯỢC ĐIỀU KIỆN NÀO?

Trả lời:

Theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC, quy định: Chủ rừng là tổ chức được nhận tiền chi trả DVMTR theo Cam kết quản lý bảo vệ rừng cung ứng DVMTR với Sở NN & PTNT. Đối với các doanh nghiệp có dự án quản lý, kinh doanh rừng và đất rừng phải thực hiện quy định về thuê đất, thuê rừng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

35

CÁC CHỦ RỪNG LÀ TỔ CHỨC KHI THAM GIA CUNG ỨNG DVMTR CÓ NHỮNG QUYỀN GÌ?

Trả lời:

Quyền của chủ rừng là tổ chức được quy định trong Luật BV&PTR. Khi chủ rừng tham gia cung ứng DVMTR có quyền theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn như sau:

1. Được yêu cầu người sử dụng DVMTR (*nếu chi trả trực tiếp*) hoặc Quỹ BV&PTR cấp tỉnh (*nếu chi trả gián tiếp*) chi trả tiền sử dụng DVMTR theo quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP.
2. Được cung cấp thông tin về các giá trị DVMTR.
3. Được tham gia vào việc kiểm tra, giám sát của cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện chi trả DVMTR.

36

NGHĨA VỤ CỦA CHỦ RỪNG LÀ TỔ CHỨC THAM GIA CUNG ỨNG DVMTR LÀ GÌ?

Trả lời:

Nghĩa vụ của chủ rừng là tổ chức được quy định trong Luật BV & PTR. Khi chủ rừng tham gia cung ứng DVMTR có nghĩa vụ theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn như sau:

1. Phải đảm bảo diện tích rừng cung ứng dịch vụ được bảo vệ và phát triển theo đúng chức năng được quy định trong quy hoạch và phát triển rừng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Phải sử dụng số tiền được chi trả theo đúng quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP.
3. Không được phá rừng hoặc chuyển mục đích sử dụng rừng trái phép.



37

CÁC TỔ CHỨC KHÔNG PHẢI LÀ CHỦ RỪNG ĐƯỢC NHÀ NƯỚC GIAO TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ RỪNG GỒM NHỮNG ĐỐI TƯỢNG NÀO?

Trả lời:

Tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC, quy định:

Các tổ chức không phải là chủ rừng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng gồm: UBND cấp xã; các cơ quan, các tổ chức chính trị, xã hội.

38

ĐIỀU KIỆN NÀO ĐỂ CÁC TỔ CHỨC KHÔNG PHẢI LÀ CHỦ RỪNG ĐƯỢC NHÀ NƯỚC GIAO TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ RỪNG ĐƯỢC NHẬN TIỀN CHI TRẢ DVMTR?

Trả lời:

Theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC, quy định:

Các tổ chức không phải là chủ rừng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng được nhận tiền chi trả DVMTR theo phương án quản lý bảo vệ rừng được UBND cấp tỉnh phê duyệt.



39

TRÌNH TỰ NGHIỆM THU DIỆN TÍCH RỪNG CUNG ỨNG DVM-TR ĐỐI VỚI CHỦ RỪNG LÀ TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC VÀ CÁC TỔ CHỨC KHÔNG PHẢI LÀ CHỦ RỪNG ĐƯỢC NHÀ NƯỚC GIAO TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ RỪNG THỰC HIỆN NHƯ THẾ NÀO?

Trả lời:

Tại Điều 3 Thông tư số 20/2012/TT-BNNPTNT, quy định các bước như sau:

- a. Bước 1. Chủ rừng thực hiện nghiệm thu đối với hộ nhận khoán.
- b. Bước 2. Tổng hợp kết quả nghiệm thu theo biểu mẫu quy định tại Quyết định số 06/2005/QĐ-BNN và Quyết định số 59/2007/QĐ-BNN đối với phần diện tích giao khoán; lập biểu tổng hợp diện tích rừng do chủ rừng tự tổ chức quản lý bảo vệ; gửi cơ quan nghiệm thu (Sở NN & PTNT) trước ngày 31/12 năm kế hoạch.
- c. Bước 3. Sở NN & PTNT thực hiện nghiệm thu, tổng hợp, thông báo kết quả nghiệm thu cho Quỹ BV & PTR cấp tỉnh trước ngày 15/02 năm sau năm kế hoạch làm cơ sở thanh toán ủy thác tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của năm kế hoạch cho chủ rừng và các tổ chức không phải là chủ rừng nhưng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng.

TRÌNH TỰ NGHIỆM THU DIỆN TÍCH RỪNG CUNG ỨNG DVM-TR ĐỐI VỚI TỔ CHỨC KHÔNG THUỘC NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN NHƯ THẾ NÀO?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 20/2011/TT- BNNPTNT, gồm 3 bước như sau:

- a. Bước 1. Trong trường hợp chủ rừng ký hợp đồng bảo vệ rừng hay hợp đồng/thỏa thuận liên doanh, liên kết với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, chủ rừng thực hiện nghiệm thu theo hợp đồng/thỏa thuận đã ký.
- b. Bước 2. Chủ rừng lập biểu tổng hợp diện tích rừng chi trả DVMTR của chủ rừng gửi cơ quan nghiệm thu trước ngày 31/12 năm kế hoạch.
- c. Bước 3. Cơ quan nghiệm thu thực hiện nghiệm thu, tổng hợp, thông báo kết quả nghiệm thu cho Quỹ BV & PTR cấp tỉnh trước ngày 15/02 năm sau năm kế hoạch làm cơ sở thanh toán ủy thác tiền chi trả DVMTR cho chủ rừng.

CÁC TỔ CHỨC KHÔNG PHẢI LÀ CHỦ RỪNG ĐƯỢC NHÀ NƯỚC GIAO TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ RỪNG LẬP KẾ HOẠCH CHI TRẢ DVMTR NHƯ THẾ NÀO?

Trả lời:

Tại Khoản 4 Điều 9 Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC, quy định:

Đối với các tổ chức không phải là chủ rừng được nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng có phương án quản lý bảo vệ rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, lập kế hoạch quản lý bảo vệ rừng đề nghị hỗ trợ kinh phí như quy định đối với chủ rừng là tổ chức Nhà nước, gửi Quỹ BV & PTR cấp tỉnh.

CHỦ RỪNG LÀ TỔ CHỨC ĐƯỢC SỬ DỤNG TIỀN CHI TRẢ DVMTR NHƯ THẾ NÀO?

Trả lời:

Tại Điểm c Khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng tiền chi trả DVMTR tại chủ rừng là tổ chức như sau:

Số tiền Quỹ BV & PTR cấp tỉnh chuyển trả cho DVMTR của chủ rừng sử dụng như sau:

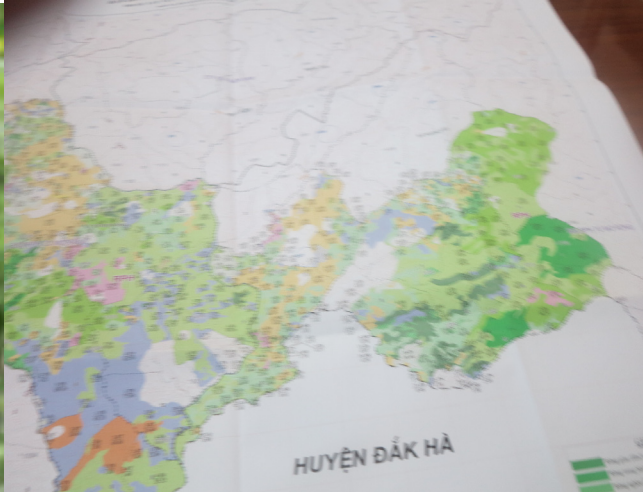


1. Chủ rừng là tổ chức không thuộc Nhà nước được quản lý sử dụng theo đúng quy định của pháp luật quản lý tài chính hiện hành đối với loại hình tổ chức đó và chi cho công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng.

2. Chủ rừng là tổ chức Nhà nước có thực hiện khoán bảo vệ rừng sử dụng 10% số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các chi phí quản lý để chi cho các hoạt động như kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, đánh giá chất lượng, số lượng rừng,... Số tiền còn lại (90%) sử dụng như sau:

- Trường hợp chủ rừng khoán toàn bộ diện tích rừng được chi trả DVMTR thì chi trả toàn bộ cho các hộ nhận khoán. Hộ nhận khoán được sử dụng số tiền này để quản lý bảo vệ rừng và nâng cao đời sống.

- Trường hợp chủ rừng khoán một phần diện tích rừng được chi trả DVMTR cho các hộ nhận khoán, phần diện tích rừng còn lại chủ rừng trực tiếp tổ chức bảo vệ rừng, thì số tiền chi trả DVMTR của diện tích rừng này là nguồn thu của chủ rừng. Chủ rừng quản lý, sử dụng theo quy định của Nhà nước về tài chính hiện hành áp dụng đối với từng loại hình tổ chức đó.



43

TRÌNH TỰ LẬP KẾ HOẠCH CHI TRẢ DVMTR ĐỐI VỚI CHỦ RỪNG LÀ TỔ CHỨC ĐƯỢC QUY ĐỊNH NHƯ THẾ NÀO?

Trả lời:

Tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC, quy định trình, tự thủ lập kế hoạch chi trả DVMTR hàng năm đối với chủ rừng là tổ chức như sau:

- a. Ký cam kết quản lý bảo vệ rừng cung ứng DVMTR hoặc rà soát cam kết hàng năm với Sở NN & PTNT;
- b. Ký hợp đồng khoán hoặc rà soát hợp đồng khoán bảo vệ rừng với các hộ nhận khoán theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- c. Lập biểu thống kê danh sách các hộ nhận khoán bảo vệ rừng;
- d. Lập kế hoạch chi trả DVMTR như sau:
 - Rà soát biểu thống kê danh sách các hộ nhận khoán, lập biểu xác định diện tích rừng cung ứng DVMTR theo mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC;
 - Lập bản đồ ranh giới diện tích cung ứng DVMTR tỷ lệ 1/25.000;
 - Báo cáo thuyết minh kế hoạch chi trả;
 - Trước ngày 15 tháng 7 hàng năm, gửi kế hoạch chi trả DVMTR cùng các hồ sơ nêu trên về Quỹ BV & PTR cấp tỉnh.

PHẦN V

CHỦ RỪNG LÀ HỘ GIA ĐÌNH, CÁ
NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ THÔN.
HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG
DÂN CƯ THÔN NHẬN KHOẢN BẢO VỆ
RỪNG





44

HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CÔNG ĐỒNG DÂN CƯ THÔN KHI NÀO THÌ ĐƯỢC GỌI LÀ CHỦ RỪNG?

Trả lời

Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP, quy định:

Các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng; cộng đồng dân cư thôn được Nhà nước giao rừng để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn tự đầu tư trồng rừng trên diện tích đất lâm nghiệp được Nhà nước giao do UBND cấp huyện xác nhận theo đề nghị của cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp, có xác nhận của UBND cấp xã.

45

THỂ NÀO GỌI LÀ HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CÔNG ĐỒNG DÂN CƯ THÔN NHẬN KHOẢN BẢO VỆ RỪNG?

Trả lời:

Tại Khoản 2 Điều Điều 8 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP, quy định: Các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn có hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài với các chủ rừng là tổ chức Nhà nước; hợp đồng nhận khoán do bên giao khoán và bên nhận khoán lập, ký và có xác nhận của UBND cấp xã.

Trả lời:

Quyền hạn của Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP, như sau:

1. Được yêu cầu người sử dụng DVMTR (nếu chi trả trực tiếp) hoặc Quỹ BV & PTR cấp tỉnh (nếu chi trả gián tiếp) chi trả tiền sử dụng DVMTR theo quy định tại Nghị định này;
2. Được cung cấp thông tin về các giá trị DVMTR;
3. Được tham gia vào việc kiểm tra, hồ sơ của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện chi trả DVMTR.



NGHĨA VỤ CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ THÔN ĐƯỢC NHÀ NƯỚC GIAO ĐẤT GIAO RỪNG VÀ NHẬN KHOẢN BẢO VỆ RỪNG TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH CHI TRẢ DVMTR NHƯ THẾ NÀO?

Trả lời:

Nghĩa vụ của Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được quy định tại Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP, như sau:

1. Chủ rừng phải đảm bảo diện tích rừng cung ứng dịch vụ được bảo vệ và phát triển theo đúng chức năng được quy định trong quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
2. Hộ nhận khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài phải đảm bảo diện tích rừng cung ứng dịch vụ được bảo vệ và phát triển theo đúng hợp đồng đã ký kết với chủ rừng;
3. Không được phá rừng hoặc chuyển mục đích sử dụng rừng trái phép;
4. Trường hợp vi phạm các quy định trên thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU KIỆN ĐỂ CHỦ RỪNG LÀ HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ THÔN ĐƯỢC NHẬN TIỀN CHI TRẢ DVMTR NHƯ THẾ NÀO?

Trả lời:

Tại Điểm b Khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BN-NPTNT-BTC, quy định:

Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được nhận tiền chi trả DVMTR theo cam kết bảo vệ rừng và cung ứng DVMTR với UBND cấp xã.

TRÌNH TỰ NGHIỆM THU DIỆN TÍCH RỪNG CUNG ỨNG DVM- TR ĐỐI VỚI CHỦ RỪNG LÀ HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ THÔN ĐƯỢC THỰC HIỆN NHƯ THẾ NÀO?

Trả lời:

Tại Điều 3 Thông tư số 20/2012/TT-BNNPTNT, quy định các bước như sau:

Bước 1. Trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch chủ rừng lập bản tự kê khai kết quả bảo vệ rừng cung ứng DVMTR gửi Trưởng thôn tổng hợp. Trước ngày 30/11, Trưởng thôn gửi bảng tổng hợp danh sách và diện tích rừng chi trả DVMTR của các chủ rừng kèm theo các kiến nghị của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn (trong trường hợp không tự giải quyết được) về UBND cấp xã.

Bước 2. Trước ngày 15/12, UBND cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp diện tích rừng chi trả DVMTR toàn xã, gửi Hạt Kiểm lâm cấp huyện.

Bước 3. Trước ngày 31/12 Hạt Kiểm lâm tổng hợp diện tích rừng chi trả DVMTR toàn huyện, thành phố.

Bước 4. Trước ngày 15/02 năm sau năm kế hoạch, Hạt Kiểm lâm hoàn thành việc xác nhận, lập biểu tổng hợp kết quả nghiệm thu bảo vệ rừng chi trả DVMTR, gửi Quỹ BV & PTR cấp tỉnh làm cơ sở thanh toán ủy thác tiền chi trả DVMTR của năm kế hoạch.





50

ĐIỀU KIỆN NÀO ĐỂ HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CÔNG ĐỒNG DÂN CƯ THÔN NHẬN KHOẢN BẢO VỆ RỪNG ĐƯỢC NHẬN TIỀN CHI TRẢ DVMTR NHƯ THỂ NÀO?

Trả lời:

Tại Điểm d Khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC, quy định:

Hộ nhận khoán bảo vệ rừng được nhận tiền chi trả DVMTR theo hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng ổn định, lâu dài với chủ rừng là tổ chức Nhà nước.

51

TỔ CHỨC CHI TRẢ CẤP HUYỆN ĐƯỢC QUY ĐỊNH NHƯ THỂ NÀO? HIỆN NAY, TỈNH KON TUM CƠ QUAN NÀO ĐƯỢC GIAO LÀM TỔ CHỨC CHI TRẢ CẤP HUYỆN?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BN-NPTNT-BTC, quy định:

Tổ chức chi trả cấp huyện gồm: Quỹ BV & PTR cấp huyện (nếu có); Hạt Kiểm lâm cấp huyện; hoặc tổ chức do UBND cấp tỉnh thành lập.

Hiện nay, UBND tỉnh Kon Tum đã giao Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố là Tổ chức chi trả cấp huyện.

CƠ QUAN NÀO XÁC ĐỊNH TIỀN DVMTR TRẢ CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ THÔN NHẬN KHOẢN BẢO VỆ RỪNG? PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN?

Trả lời:

Việc xác định tiền chi trả DVMTR cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn nhận khoán bảo vệ rừng được quy định tại Điều 7 Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT, cụ thể:

1. Chủ rừng là tổ chức Nhà nước có thực hiện việc khoán bảo vệ cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn chịu trách nhiệm xác định tiền chi trả cho hộ nhận khoán.

2. Việc xác định số tiền chi trả thực tế của năm được xác định vào quý I năm sau.

3. Các bước thực hiện:

Bước 1: xác định số tiền chi trả bình quân 01 ha rừng từ dịch vụ được một đối tượng sử dụng DVMTR.

Bước 2: xác định số tiền chi trả cho hộ nhận khoán từ dịch vụ của một đối tượng sử dụng DVMTR.

Bước 3: xác định tổng số tiền DVMTR chi trả cho hộ nhận khoán: hộ nhận khoán có diện tích rừng cung ứng DVMTR cho một hay nhiều đối tượng sử dụng DVMTR thì được hưởng tất cả các khoản chi trả của các dịch vụ đó.

Chủ rừng thông báo cho từng hộ nhận khoán số tiền chi trả DVMTR theo biểu mẫu số 3 đính kèm Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT.



Trả lời:

Tại Điểm b Khoản 1 Điều 15 Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BN-NPTNT-BTC, quy định:

1. Đối với các chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn không mở tài khoản tại ngân hàng thì tiền tạm ứng được chuyển ủy thác qua Tổ chức chi trả cấp huyện.

TIỀN CHI TRẢ DVMTR CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ THÔN ĐƯỢC NHÀ NƯỚC GIAO ĐẤT, GIAO RỪNG VÀ NHẬN KHOẢN BẢO VỆ RỪNG ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ LÀM GÌ?

Trả lời:

Theo quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành thì:

Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn sử dụng toàn bộ số tiền chi trả DVMTR để quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và nâng cao đời sống.

